

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/DS-PT

Ngày 19/10/2021

V/v “Tranh chấp đòi tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu.

Ông Trần Hoài Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Nguyễn Thị Trâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2021/TLPT-DS ngày 02 tháng 8 năm 2021 về “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2021/DSST ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2021/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 78/2021/QĐ-PT ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị N. Sinh năm: 1981. Địa chỉ: 99B đường P, tổ 02, phường T, thành phố P, tỉnh G.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn H. Sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ 31 phường T, quận S, thành phố Đ (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/9/2021, có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty CP Đầu tư và Phân phối Bất động sản V (trước đây Công ty CP Đầu tư và Phân phối Bất động sản L); Địa chỉ: 58 đường N, phường K, quận N, thành phố Đ. Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Phương T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Công ty CP Đầu tư và Phân phối Bất động sản V:* Bà Lê Thị Hoài T. Sinh năm 1993. Chức vụ: Trưởng Ban pháp chế; Địa chỉ: 48/3 đường L, phường T, quận H, thành phố Đ theo văn bản ủy quyền số: 29121/2020/GUQ-VNH ngày 29/12/2020 của Tổng giám đốc Công ty. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền và nghĩa vụ có liên quan:*

1. Bà Lê Phương T. Sinh năm 1982. Địa chỉ nơi ở: Phòng 7, tầng 10, khu B Chung cư HAGL, số 72 đường H, phường T, quận T, thành phố Đ; Địa chỉ liên hệ: Số 58 đường N, phường K, quận N, TP Đ. Vắng mặt.

2. Ông Thân Công T. Sinh năm: 1987; địa chỉ: Thôn Mỹ Điền 2, thị trấn N, huyện V, tỉnh B. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Công ty CP Đầu tư và Phân phối Bất động sản V là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn là bà Vũ Thị N trình bày:* Bà Vũ Thị N được ông Thân Công T giới thiệu đầu tư mua đất nền tại Đà Nẵng nên bà N được nhân viên Công ty CP Đầu tư và Phân phối bất động sản V, trước đây là Công ty CP Đầu tư và Phân phối Bất động sản L tư vấn về việc đặt chỗ 01 sản phẩm thuộc dự án FPT, có cho bà N thông tin số tài khoản của Bà Lê Phương T là Tổng giám đốc Công ty và nêu rõ số tiền phải chuyển khoản để giữ chỗ. Ngày 11/3/2019, bà N đã chuyển vào tài khoản của Bà Lê Phương T số tiền 300.000.000 đồng với nội dung: “ *Họ tên + số Chứng minh nhân dân + giữ chỗ 01 lô dự án phía Nam Đà*

Năng”. Công ty cam kết nếu sau này không mua thì Công ty sẽ hoàn lại 100% số tiền này trong vòng 15-30 ngày, kể từ ngày khách hàng yêu cầu nhận lại tiền và Công ty xuất phiếu thu gửi cho bà N. Tại phiếu thu có ghi chú “*Xác nhận đã chuyển khoản đến tài khoản BIDV Sếp Thủy ngày 11/3/2019*”. Tuy nhiên, từ đó bà N không hề nhận được bất cứ thông tin nào về việc mở bán lô đất như những lời hứa hẹn ban đầu. Do vậy, sau khi chuyển tiền cho bà T tầm 02 tháng (tức vào tháng 05/2019), bà N đã liên lạc với Công ty và bà T để xin nhận lại tiền đặt chỗ của bà N, Công ty bà T có báo là hiện Công ty đang khó khăn sẽ thu xếp hoàn lại số tiền trên cho bà N nhưng không hợp tác. Do vậy, bà N yêu cầu Công ty CP Đầu tư và Phân phối Bất động sản L (Nay là Công ty CP Đầu tư và Phân phối Bất động sản V) phải trả cho bà số tiền: 300.000.000 đồng và trả thêm khoản lãi phát sinh từ 01/5/2019 tới ngày 23/6/2021 là 25 tháng 23 ngày, theo mức lãi suất 5%/năm = 32.208.000 đồng.

- Bị đơn là Công ty CP Đầu tư và Phân phối Bất động sản V (trước đây Công ty CP Đầu tư và Phân phối Bất động sản L) do người đại diện theo ủy quyền của Công ty trình bày: Công ty biết được ông Thân Công T là một trưởng nhóm đầu tư của một nhóm nhỏ lẻ hoạt động tự do không có đăng ký kinh doanh và có trao đổi với Công ty L, nếu có dự án, Công ty cho phép ông được tham gia với tư cách là cổ đông trên từng dự án. Và ông Thân Công T đã hợp tác với Công ty Lộc Sơn Hà Miền Trung theo thỏa thuận trước đó. Bà Vũ Thị N và Công ty chưa từng làm việc trực tiếp với nhau, hoàn toàn không có sự thỏa thuận về việc đặt giữ chỗ 01 vị trí với Công ty, Công ty cũng không cung cấp số tài khoản của cá nhân Bà Lê Phương T và yêu cầu bà Vũ Thị N chuyển tiền cho Công ty vào số tài khoản cá nhân của bà T. Toàn bộ mọi thông tin dự án, chuyển tiền là do bà N làm việc trực tiếp với ông Thân Công T. Việc tài khoản cá nhân của Bà Lê Phương T hiển thị giao dịch nhận 300.000.000 đồng có nội dung “*Vu Thi N CMND số 230707908 đặt chỗ 01 vị trí phía Nam Đa Nang*” vào ngày 11/3/2019 là khách hàng của ông Thân Công T chuyển khoản vào tài khoản của bà T để giữ chỗ 01 lô không xác định vị trí, thực tế bà T không quen biết ai tên là “*Vu Thi N CMND số 230707908*”. Số tiền này sẽ được gộp vào với tổng số tiền mà ông

Thân Công T đại diện góp vốn với danh nghĩa Nhà đầu tư làm việc với Công ty. Số tiền này bà T đã nộp lại cho kế toán cùng ngày 11/03/2019, kế toán viết phiếu thu ghi nhận số tiền trên cho ông Thân Công T để gửi cho khách hàng trên Gia Lai yên tâm. Cùng ngày này cũng có 01 khách hàng khác là ông Trần Hải Nam cũng chuyển cùng số tiền 300.000.000 đồng đến cho Bà Lê Phương T.

Ngày 12/3/2019, ông Thân Công T chuyển thêm 02 lần với tổng số tiền 1.800.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của Bà Lê Phương T để tiếp tục đặt giữ chỗ 6 lô của dự án phía Nam Đà Nẵng: Cụ thể: Vào lúc 09 giờ 03 phút ngày 12/3/2019, chuyển số tiền 1.300.000.000 đồng với nội dung: "*Than Cong T ck dat coc 5 lo DA phia Nam Da Nang*". Vào lúc 10 giờ 51 phút ngày 12/3/2019, chuyển số tiền 500.000.000 đồng với nội dung: "*Than Cong T ck lan 2 gop von ky quy 1.8 ty cho 6 lo tong cong 8 lo*". Kế toán đã ghi phiếu thu ngày 13/03/2019 và gửi 01 liên màu hồng cho ông Thân Công T với nội dung ghi cụ thể trên phiếu thu "*Họ và tên người nộp tiền: Thân Công T; Địa chỉ: Xã Hoàng Ninh, huyện Viết Yên, Bắc Giang; Nội dung: Góp chỗ không vị trí 06 căn dự án Nam Đà Nang*". Số tiền: 1.800.000.000 đồng, có chữ ký của ông Thân Công T tại vị trí người nộp. Như vậy, tổng số tiền mà nhóm đầu tư của ông Thân Công T đã góp vào với Công ty đến ngày 12/3/2019 là 2.400.000.000 đồng để giữ chỗ tất cả 8 lô không xác định vị trí của dự án phía Nam Đà Nẵng, trong đó có bao gồm cả số tiền 300.000.000 đồng của bà Vũ Thị N.

+ Ngày 18/5/2019, Bà Lê Phương T chuyển hoàn cho ông Thân Công T 600.000.000 đồng. Nội dung chuyển khoản có ghi thông tin "*Loc Son Ha tt tien gui cho du an FPT*", mã giao dịch "*FT19138837256535*". Trong số tiền 600.000.000 đồng này thì có chuyển hoàn 300.000.000 đồng cho bà Vũ Thị N và một khách hàng khác. Ông T khi nhận được tiền cũng đã xác nhận việc đã nhận được 600.000.000 đồng qua tin nhắn Zalo với bà T.

+ Ngày 07/6/2019, Bà Lê Phương T chuyển hoàn số tiền 300.000.000 đồng. Nội dung chuyển khoản có ghi thông tin "*Hoan tien gop von an du an nhu nguyet da nang cho Tran Cong T*", mã giao dịch "*FT19158062203056*". Ngày

17/6/2019, bà Lê Phương T chuyển hoàn số tiền 300.000.000 đồng cho ông Thân Công T.

+ Ngày 12/09/2019, Bà Lê Phương T chuyển hoàn số tiền 600.000.000 đồng cho ông Thân Công T.

+ Ngày 08/10/2019, Bà Lê Phương T chuyển hoàn số tiền 300.000.000 đồng cho ông Thân Công T. (Các lần chuyển tiền trên, bà T đều dùng số tài khoản "19020265152025 – Chủ tài khoản Lê Phương T – Ngân hàng Techcombank" thông qua dịch vụ "internet banking" vào số tài khoản "19028295504016 – Chủ tài khoản Thân Công T – Ngân hàng Techcombank").

+ Riêng ngày 08/10/2019, Bà Lê Phương T chuyển hoàn số tiền 300.000.000 đồng cho chủ tài khoản là bà Ninh Thị Nguyệt. Nội dung chuyển khoản có ghi thông tin "*Hoan tien gop von an du an nhu nguyet da nang cho Tran Cong T*", mã giao dịch "*FT19158062203056*".

Như vậy, tổng số tiền Nhóm đầu tư của ông Thân Công T (do ông T và khách hàng khác tự chuyển) góp vốn cho 8 lô không xác định vị trí của Dự án phía Nam là 2.400.000.000 đồng đã được Công ty hoàn trả lại đủ số tiền là 2.400.000.000 đồng. Trong đó, khách hàng Ninh Thị N (thuộc nhóm ông T) nhận hoàn trực tiếp số tiền 300.000.000 đồng, còn lại ông Thân Công T đại diện nhận hoàn trực tiếp vào tài khoản cá nhân với số tiền là: 2.100.000.000 đồng, bao gồm cả 300.000.000 đồng của bà Vũ Thị N nên bà N khởi kiện, Công ty không chấp nhận.

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Thân Công T trình bày:*** Ông và bà Vũ Thị N có quen biết từ trước. Trong công việc làm ăn ông có hợp tác cùng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản L (Nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản V). Khi biết có thông tin góp vốn dự án phía Nam, ông cũng góp vào 300.000.000 đồng và có nói với bà Vũ Thị N trao đổi thông tin góp vốn bà N đồng ý cùng góp 300.000.000 đồng để giữ chỗ phía Nam. Sau đó, bà N và mỗi người cùng chuyển khoản 300.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản L (Nay là Công ty Cổ phần

Đầu tư và Phân phối Bất động sản V) và được Công ty xuất phiếu thu. Tuy nhiên sau đó dự án không được thực hiện, bà N có nói xin rút tiền về nhưng không được. Đến ngày 08/10/2019, bà T chuyển khoản cho ông 600.000.000 đồng và nói “*Hết phần giữ chỗ phía Nam*” nhưng thực tế trong số tiền này là chuyển cho ông 300.000.000 đồng và chuyển cho bà Nguyệt cùng là người góp vốn như ông 300.000.000 đồng, còn phần bà Vũ Thị N này chưa chuyển trả. Thực tế trong quá trình hợp tác làm ăn giữa ông và Công ty do bà T làm Giám đốc thì bà T còn nợ ông một khoản tiền nữa mà chưa thanh toán. Nay ông xác nhận không có phần bà N trong số tiền bà T chuyển cho ông. Theo ông đây là trách nhiệm riêng của Công ty đối với phần nghĩa vụ thanh toán cho bà N mà ông không liên quan gì.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2021/DSST ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 273 bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 351, Điều 357 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu “Tranh chấp đòi tài sản” của bà Vũ Thị N đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản V (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản L).

Tuyên xử: Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản V (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản L) phải trả lại tài sản cho bà Vũ Thị N là số tiền gốc 300.000.000 đồng và lãi 32.208.000 đồng (lãi tính từ tháng 05/2019 đến 23/6/2021). Tổng tiền gốc và lãi: 332.208.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi hai triệu hai trăm lẻ tám ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 16.610.000 đồng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản V phải chịu, hoàn trả cho bà Vũ Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.125.000 đồng tại Cơ quan Thi hành án quận Ngũ Hành Sơn, theo biên lai thu số 0007109 ngày 01/12/2020.

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/7/2021, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N bởi vì tổng số tiền nhóm đầu tư ông Thân Công T góp vốn cho 8 lô đất không xác định vị trí của Dự án phí Nam là 2.400.000 đồng, trong đó khách hàng Ninh Thị Nguyệt nhận hoàn trực tiếp vào tài khoản cá nhân, ông Thân Công T nhận hoàn trực tiếp với số tiền 2.100.000.000 đồng, bao gồm cả 300.000.000 đồng của bà Vũ Thị N. Công ty đã hoàn thành xong nghĩa vụ trả lại số tiền trên cho bà Vũ Thị N nên việc cấp sơ thẩm tuyên Công ty phải trả cho bà N 300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 05/2019 đến ngày 23/6/2021 là 32.208.000 đồng là không có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty CP Đầu tư và Phân phối Bất động sản V là bà Lê Thị Hoài T có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Phương T, ông Thân Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản V thì thấy: Vào ngày 11/3/2019, thông qua ông Thân Công T là người đã từng hợp tác đầu tư với Công ty L, bà Vũ Thị N được ông Thân Công T giới thiệu đã chuyển số tiền 300.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản L qua tài khoản của Bà Lê Phương T là Tổng giám đốc Công ty để giữ chỗ 01 lô đất phía nam (FPT) không xác định vị trí. Số tiền chuyển khoản này được Bà Lê Phương T xác nhận và bà đã chuyển lại vào tài khoản Công ty cùng ngày, đồng thời kế toán có viết phiếu thu để ông T gửi lại cho bà N bằng đường bưu chính.

[2.1] Do dự án không thực hiện được nên Bà Lê Phương T đã hoàn tiền lại cho ông Thân Công T tổng cộng 2.100.000 đồng. Các lần chuyển tiền trên, bà Điền dùng số tài khoản *"19020265152025 – Chủ tài khoản Lê Phương T – Ngân hàng Techcombank"* thông qua dịch vụ *"internet banking"* vào số tài khoản *"19028295504016 – Chủ tài khoản Thân Công T – Ngân hàng Techcombank"*). Cụ thể: Ngày 18/5/2019, Bà Lê Phương T chuyển hoàn cho ông Thân Công T 600.000.000 đồng. Ngày 07/6/2019, ngày 16/7/2019, mỗi lần chuyển, Bà Lê Phương T chuyển hoàn số tiền 300.000.000 đồng. Ngày 12/9/2019, Bà Lê Phương T chuyển hoàn số tiền 600.000.000 đồng. Ngày 08/10/2019, Bà Lê Phương T chuyển hoàn số tiền 300.000.000 đồng. Riêng ngày 08/10/2019, Bà Lê Phương T chuyển hoàn số tiền 300.000.000 đồng cho Ninh Thị Nguyệt. Điều này cho thấy, ngày 07/6/2019, Bà Lê Phương T chuyển hoàn cho ông Thân Công T 300.000.000 đồng với nội dung *"Hoan tien gop von du an nhu nguyet da nang cho Tran Cong T"*, ngày 08/10/2019, Bà Lê Phương T chuyển hoàn cho bà Ninh Thị Nguyệt 300.000.000 đồng với nội dung *"Hoan tien gop von cho KH Tran Cong T"*, 6 lần chuyển hoàn còn lại, Bà Lê Phương T đều chuyển hoàn qua chủ tài khoản là ông Thân Công T với nội dung *"Loc Son Ha tt tien giu cho du an FPT hoặc cho du an phia nam da nang"*. Như vậy, trong 8 lô đất mà Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản L chuyển hoàn tiền thì có 01 lần chuyển hoàn trực tiếp qua tài khoản bà Ninh Thị Nguyệt, 07 lần chuyển hoàn trực tiếp qua tài khoản ông Thân Công T, trong đó có 01 lần chuyển hoàn cho dự án Nhu

Nguyet Da Nang mà không phải dự án FPT Đà Nẵng, đồng thời cũng không có nội dung nào thể hiện rõ cụ thể người được nhận tiền tên Vũ Thị N được trả thông qua tài khoản ông Thân Công T, trong khi đó ông Thân Công T không thừa nhận số tiền 300.000.000 đồng của bà Vũ Thị N trong số tiền bà T đã chuyển khoản cho ông. Mặt khác, người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị N xác nhận bà Vũ Thị N không phải là thành viên trong nhóm đầu tư của ông Thân Công T, ông T chỉ là người giới thiệu cho bà Vũ Thị N đặt chỗ cho 01 lô đất chưa xác định vị trí tại dự án phía nam FPT, mọi việc bà N đều làm việc trực tiếp và giao dịch với Công ty L. Do vậy, việc Công ty cho rằng ông Thân Công T đại diện nhận hoàn trực tiếp vào tài khoản cá nhân với số tiền là: 2.400.000.000 đồng, bao gồm cả 300.000.000 đồng của bà Vũ Thị N là hoàn toàn không có cơ sở nên buộc Công ty phải trả cho cho Vũ Thị N số tiền 300.000.000 đồng là hoàn toàn đúng pháp luật. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản V cũng không có yêu cầu độc lập đối với ông Thân Công T về số tiền 300.000.000 đồng mà Công ty cho rằng chuyển trả cho bà Vũ Thị N thông qua ông Thân Công T. Do vậy, sau này Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản V và ông Thân Công T có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[2.2] Xét yêu cầu tiền lãi của bà N thì thấy: Căn cứ vào chứng cứ trích xuất tin nhắn từ số điện thoại 0904.220.482 của Bà Lê Phương T ngày 14/4/2019 cho thấy bà Vũ Thị N đã có yêu cầu xin rút lại tiền đã đặt chỗ bên Lộc Sơn Hà Miền Trung và việc đòi tiền kéo dài đến tháng 05/2019. Do vậy, việc bà Vũ Thị N yêu cầu tính lãi từ ngày 01/5/2019 là hoàn toàn chính đáng và yêu cầu 5%/năm là mức thấp và có lợi cho bị đơn, không vượt quá mức qui định của pháp luật và phù hợp Điều 357 Bộ luật dân sự nên chấp nhận. Do đó, cấp sơ thẩm buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản V (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản L) phải trả khoản tiền lãi 32.208.000 đồng (tính từ ngày 01/5/2019 đến ngày 23/6/2021 là 25 tháng 23 ngày) là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

[2] Từ những phân tích trên, HĐXX phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản V.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Do không chấp nhận kháng cáo nên Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản V phải chịu án phí DSPT.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm với nội dung không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản V.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 296, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 280, Điều 351, Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản V.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2021/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản V (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản L) về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản V phải trả lại cho bà Vũ Thị N số tiền gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/5/2019 đến

ngày 23/6/2021 là: 32.208.000 đồng. Tổng tiền gốc và lãi là: 332.208.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi hai triệu hai trăm lẻ tám ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Án phí DSST: 16.610.000 đồng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản V phải chịu. Hoàn trả cho bà Vũ Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.125.000 đồng theo biên lai thu số 0007109 ngày 01/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

4. Án phí DSPT: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phân phối Bất động sản V phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007340 ngày 15/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THA dân sự quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bé

